

Số: /GCNĐKCN-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 23/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. Tên Tổ chức: **VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA**

Địa chỉ: số 21 hẻm 38/58/14 đường Xuân La, phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0984297412

E-mail: ieg.inspect@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục kèm theo.

2. Số đăng ký: 03/2025/CN/BXD.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Viện Khoa học MT&CNCLHH;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh (để b/c);
- Sở Xây dựng các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- TT Công nghệ thông tin (website);
- Lưu: VT, VKHCNMTVLXD.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHCNMT&VLXD**

Lê Trung Thành

PHỤ LỤC
LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM
PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo Giấy chứng nhận số /CNĐKCN-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	Xi măng poóc lăng	TCVN 2682:2020
2	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
3	Xi măng poóc lăng bền sun phát	TCVN 6067:2018
4	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng	TCVN 11833:2017
5	Xi hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa	TCVN 11586:2016; JIS A 5011; BS EN 15167
6	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng	TCVN 10302:2014
7	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
8	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7570:2006
9	Gạch gốm ốp lát	TCVN 13113:2020
10	Đá ốp lát tự nhiên	TCVN 4732:2016
11	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	TCVN 8057:2009
12	Gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999
13	Gạch đất sét nung	TCVN 1451:1998; TCVN 1450:2009
14	Gạch bê tông	TCVN 6477:2016
15	Sản phẩm bê tông khí chưng áp	TCVN 7959:2017
16	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép, Tấm tường nhẹ ba lớp xen kẽ, Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép	TCVN 11524:2016; TCVN 12302:2018; TCVN 12867:2020; GBT 2345; BS 5234
17	Tấm sóng amiăng xi măng	TCVN 4435:2000
18	Ngói đất sét nung	TCVN 1452:2023
19	Ngói gốm tráng men	TCVN 9133:2011
20	Ngói bê tông	TCVN 1453:2023
21	Chậu rửa	TCVN 12648:2020; BS EN 14688:2005+A1:2018

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
22	Bồn Tiểu nam treo tường	TCVN 12651:2020; BS EN 13407:2015+A1:2018
23	Bồn Tiểu nữ	TCVN 12652:2020; BS EN 14528:2015+A1:2018
24	Bệ Xi bệt	TCVN 12649:2020; BS EN 997:2018
25	Kính nổi	TCVN 7218:2018
26	Kính phẳng tôi nhiệt	TCVN 7455:2013
27	Kính màu hấp thụ nhiệt	TCVN 7529:2005
28	Kính phủ phản quang	TCVN 7528:2006
29	Kính phủ bức xạ thấp (Low E)	TCVN 9808:2013
30	Kính hộp gắn kín cách nhiệt	TCVN 8260:2009
31	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp	TCVN 7364:2018
32	Vật liệu dán tường dạng cuộn - Giấy dán tường hoàn thiện, vật liệu dán tường vinyl và vật liệu dán tường bằng chất dẻo,	TCVN 11896:2017
33	Sơn tường - dạng nhũ tương	TCVN 8652:2020
34	Tấm thạch cao và Panel thạch cao cốt sợi	TCVN 8256:2022
35	Ván gỗ nhân tạo - Ván sợi	TCVN 7753:2007
36	Ván gỗ nhân tạo - Ván dăm	TCVN 12362:2018
37	Ván gỗ nhân tạo - Ván ghép từ thanh dầy và ván ghép từ thanh trung bình	TCVN 11205:2015; TCVN 11904:2017; TCVN 11352:2016; TCVN 11350:2016; TCVN 7960:2008; TCVN 11353:2016; TCVN 11351:2016
38	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PVC dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước trong điều kiện có áp suất	TCVN 8491-2,3:2011
39	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PE dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước trong điều kiện có áp suất	TCVN 7305-2,3:2008
40	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PP dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước trong điều kiện có áp suất,	TCVN 10097-2,3:2013
41	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng nhựa nhiệt rắn gia cường bằng sợi thủy tinh (GRP) trên cơ sở nhựa polyeste không no (UP)	TCVN 9562:2017; ISO 10639

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
42	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng gang dẻo dùng cho các công trình dẫn nước	TCVN 10177:2013
43	Amiăng crizotin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng	TCVN 9188:2024
44	Hệ thống thang cáp và máng cáp bằng sắt hoặc thép sử dụng trong lắp đặt điện của công trình	TCVN 10688:2015; NEMA VE1
45	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà	TCVN 7417-1:2010; IEC 61386-1
46	Cốt liệu lớn	TCVN 7570:2006
47	Đá dăm cấp phối (dùng cho kết cấu đường ô tô)	TCVN 8859:2023; ASTM D2940
48	Vật liệu đá làm kết cấu mặt đường láng nhựa nóng	TCVN 8863:2025; ASTM D692
49	Gạch Terazo	TCVN 7744:2013
50	Sơn Epoxy	TCVN 9014:2011
51	Sơn Alkyd	TCVN 5730:2020
52	Vật liệu Bentonite	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020
53	Ống công bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012; ASTM C76/ C76M; EN 1916; AS/NZS 4058; JSWAS A-2
54	Cống hộp bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9116:2012; ASTM C76/ C76M; EN 14844
55	Sản phẩm bê tông đúc sẵn ứng lực trước	TCVN 9114:2019
56	Kênh bê tông đúc sẵn	TCVN 11362:2016
57	Hố thu nước mưa và hố thu ngăn mùi	TCVN 10333-1:2014
58	Mương thoát nước thành mỏng bê tông đúc sẵn	TCVN 6394:2014
59	Gõi công bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
60	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Giếng thăm hình hộp	TCVN 10333-2:2014
61	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Nắp và song chắn rác	TCVN 10333-3:2016
62	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Giếng thăm hình trụ	TCVN 10333-4:2019
63	Hào kỹ thuật bê tông thành mỏng đúc sẵn	TCVN 10332:2014
64	Nắp hố ga, nắp chắn rác, nắp bể cáp	BS EN 124

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
65	Mương bê tông cốt sợi thành mỏng đúc sẵn	TCVN 12040:2017
66	Cọc ván và cọc bê tông dự ứng lực đúc sẵn	JIS A 5373
67	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
68	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn	TCVN 9340:2012; TCVN 6025:1995
69	Bê tông cốt sợi tính năng siêu cao UHPC	NF P 18-470
70	Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826:2024
71	Phụ gia khoáng cho xi măng	TCVN 6882:2016
72	Bột khoáng, Đá dăm, Cát dùng cho bê tông nhựa	TCVN 13567:2022
73	Bột khoáng dùng cho bê tông đá trộn nhựa	TCVN 12884:2020
74	Gạch đất không nung	IS 1725
75	Khung xương trần treo bằng kim loại	ASTM C635/C635M-13a
76	Keo dán gạch, keo trét mạch	TCVN 7899:2008
77	Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 9028:2011
78	Vữa màu	DIN 53 237
79	Vật liệu chống thấm nước thi công dạng lỏng sử dụng bên dưới lớp chất kết dính dán gạch ốp lát	TCVN 12692:2020; BS EN 14891
80	Vữa xây dựng	TCVN 4314:2022
81	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co	TCVN 9204:2012
82	Vật liệu chống thấm - Sơn nhũ tương gốc bitum	TCVN 9065:2012
83	Vật liệu chống thấm - Sơn bitum cao su	TCVN 6557:2000
84	Vật liệu chống thấm - Tấm cpe	TCVN 9408:2014
85	Vật liệu xảm chèn khe và vết nứt, thi công nóng, dùng cho mặt đường bê tông xi măng và mặt đường bê tông nhựa	TCVN 9974:2013
86	Vữa chèn cáp dự ứng lực	TCVN 11971:2018
87	Vữa và bê tông chịu axit	TCVN 9034:2011
88	Vữa xây (trát) nhẹ	BS EN 998-1; BS EN 998-2
89	Bột bả tường gốc xi măng poóc lăng	TCVN 7239:2014

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
90	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông	TCVN 7951:2008, ASTM C881/C881M
91	Sơn bảo vệ kết cấu thép	TCVN 12705:2019
92	Sơn polyuretan bảo vệ kết cấu thép	TCVN 9013:2011
93	Sơn nhựa Fluor cho kết cấu thép	TCVN 11416:2016
94	Sơn và vecni - vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất	TCVN 11935-2:2018; EN 927-2
95	Sơn giàu kẽm	TCVN 9012:2011
96	Hệ bảo vệ bề mặt bê tông	TCVN 11839:2017
97	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo	TCVN 8791:2011; AASHTO M 249
98	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ nước	TCVN 8786:2011
99	Sơn phản xạ nhiệt mặt trời	JIS K 5675
100	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép được mạ kẽm và tráng phủ nhựa (PVC)	TCVN 10335:2014
101	Ống gió của hệ thống thoát khói và thoát khói khoang bếp	BS EN 12101-7
102	Van ngăn cháy của hệ thống phân phối khí	BS EN 12101-8; ISO 10294
103	Thanh đẩy cửa thoát hiểm	BS EN 1125
104	Thiết bị đóng cửa tự động	BS EN 1154
105	Khóa cửa có tay nắm	TCVN 5762:1993
106	Khóa (tay co) thủy lực	BS EN 1303
107	Bản lề trục đơn	BS EN 1935
108	Khóa, chốt và tấm khóa	BS EN 12209
109	Phụ tùng cửa sổ, cửa đi mở hất và mở trượt	BS EN 13126-16
110	Xi thép cho đường giao thông	JIS A 5015; ASTM D5106
111	Vật liệu bọc bảo vệ chịu lửa cho kết cấu thép	BS EN 16623
112	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bitum biến tính	TCVN 9066:2012
113	Băng chặn nước PVC	TCVN 9407:2014
114	Silicon xăm khe cho kết cấu xây dựng	TCVN 8266:2009

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
115	Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm nền đường ô tô	TCVN 12660:2019
116	Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp	TCVN 12249:2018
117	Tấm 3D dùng trong xây dựng	TCVN 7575:2007
118	Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn gia cố mái kênh và lát mặt đường	TCVN 10798:2015
119	Gối chòm cầu, Gối cầu kiểu chậu	TCVN 13861:2023; TCVN 10268:2014; TCVN 13594:2023; ASTM D5977; ASTM D5212; TB/T 2331; BS EN 1337; AASHTO LRFD Bridge
120	Gối cầu cao su cốt bản thép không có tấm trượt trong cầu đường bộ	TCVN 10308:2014; AASHTO M251; ASTM D4014; BS EN 1337; AASHTO LRFD Bridge
121	Cửa sổ và cửa đi	TCVN 7451:2004; TCVN 9366-1:2012; TCVN 9366-2:2012; BS EN 14351-1+A2; BS EN13241+A2; AS 2047; JIS A 4702; AS A 4706
122	Màn ngăn cháy; Cửa sổ, cửa đi, cửa cuốn, cửa trượt chống cháy	BS EN 1634-1:2014+A1:2018
123	Thang máy chữa cháy	TCVN 6396-72:2010; BS EN 81-58
124	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng; Đá dăm, cát dùng cho bê tông nhựa	TCVN 13567:2025; BS EN 13108
125	Chất dẻo xốp cứng - Sản phẩm cách nhiệt dùng trong xây dựng	TCVN 13111:2020; ISO 4898:2018 (e)
126	Chất dẻo - Tấm Polycacbonat	TCVN 10103:2013; ISO 11963
127	Cát tiêu chuẩn ISO	TCVN 6227:1996
128	Van điều chỉnh lưu lượng	BS EN 1751
129	Vật liệu san lấp tái chế từ phế thải phá dỡ công trình	TCVN 13946:2024
130	Khe co giãn thép dạng răng lược	TCVN 13067:2020
131	Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động	TCVN 12653:2024
132	Lớp phủ mặt đường Micro-Surfacing	TCVN 12316:2018
133	Cấp phối tái chế từ chất thải rắn xây dựng làm lớp móng đường giao thông đô thị	TCVN 13694:2023
134	Tấm đá tự nhiên lát ngoài trời	TCVN 13945:2024
135	Viên đá tự nhiên lát ngoài trời	TCVN 14157:2024

TT	Lĩnh vực chứng nhận sản phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
136	Viên đá tự nhiên bó vữa ngoài trời	TCVN 14158:2024
137	Xỉ hạt phốt pho lò điện nghiền mịn dùng cho xi măng và bê tông	TCVN 13907:2024
138	Cốt liệu xỉ cho bê tông	TCVN 13908:2024
139	Xỉ thép làm vật liệu san lấp; Cốt liệu cho vật liệu rời và vật liệu được liên kết bằng chất kết dính thủy lực	TCVN 13906:2024; BS EN 13242
140	Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu san lấp - yêu cầu chung	TCVN 14325:2024
141	Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu cho nền, móng đường giao thông	TCVN 14326:2024

Ghi chú :

(*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật/quy chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn kỹ thuật /quy chuẩn kỹ thuật cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật /quy chuẩn kỹ thuật mới tương ứng.
